TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-PT
Ngày: 13-02- 2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến
Các Thẩm phán:
Bà Võ Thị Hồng Mai;
Bà Phạm Ngọc Giàu.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 757/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2024/DS-ST, ngày 04-11-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXX-PT, ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1969; trú tại: Tổ A, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Dương Đức K, sinh năm 1985; trú tại: Tổ F, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 28-3-2024), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1969; ông Trương Văn C, sinh năm 1971, cùng trú tại: Số B, đường T, khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bản án sơ thẩm bị kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-01-2024 của nguyên đơn, B tự khai và các lời khai của người đại diện nguyên đơn - anh Dương Đức K trình bày:

Bà Phạm Ngọc T và bà Trần Thị Tuyết M là bạn bè, chơi chung với nhau thân thiết nhiều năm; ông Trương Văn C là chồng của bà Trần Thị Tuyết M, mối quan hệ giữa bà T và vợ chồng bà M, ông C rất thân tình có sự tin tưởng lẫn nhau. Trước đây gia đình bà M sinh sống tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Năm 2019 bà M và ông C xây nhà thiếu tiền nên có đến gặp bà T nhờ giúp đỡ, ngày 15-8-2019 bà T cho bà M, ông C mượn số tiền 200.000.000 đồng bà M có viết giấy tay biên nhận ký tên. Sau đó ngày 02-12-2019 tiếp tục mượn số tiền 100.000.000 đồng, bà M nói có công chuyện gấp phải đi nên không lập giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng và giao tiền với nhau. Tổng cộng bà M, ông C mượn số tiền 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 02%/ tháng, khi nào cần lấy lại tiền thì báo trước cho vợ chồng bà M khoảng 01 tháng; vợ chồng bà M đã trả lãi được số tiền 36.000.000 đồng; từ khoảng tháng 10-2022 đến nay bà T nhiều lần liên hệ với bà M nhưng không được; bà M hứa hẹn rồi thất hứa tìm đủ mọi lý do không trả tiền cho bà T; thời gian gần đây cố tình tránh né.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà M, ông C có trách nhiệm liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng và tính lãi 10%/năm từ ngày 01-01-2021 đến ngày 31-12-2023, tổng cộng gốc và lãi là 390.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M và ông Trương Văn C vắng mặt; Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà M, ông C không đến Tòa án và cũng không có bản trình bày ý kiến nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2024/DS-ST, ngày 04-11-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc T đối với bà Trần Thị Tuyết M và ông Trương Văn C. Buộc bà Trần Thị Tuyết M trả cho bà Phạm Ngọc T

số tiền 215.548.663 đồng (trong đó 200.000.000 đồng tiền vốn, 15.548.663 đồng tiền lãi).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19-11-2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh kháng nghị bản án sơ thẩm về phần nhận định mức lãi suất và khấu trừ số tiền lãi 36.000.000 đồng bà T đã nhận của bà M, xác định lại tiền án phí sơ thẩm mà nguyên đơn phải chịu cho đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm về phần nhận định mức lãi suất và tính lại án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận; rút phần kháng nghị về việc khấu trừ số tiền lãi 36.000.000 đồng bà T đã nhận của bà M vào số tiền cấp sơ thẩm buộc bà M trả.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận Kháng nghị số 16/QĐ-VKS-DS ngày 19/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được thay đổi bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh kháng nghị trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Tuyết M và ông Trương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Ngọc T là anh Dương Đức K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà T yêu cầu vợ chồng bà M, ông C có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 300.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 01-01-2021 đến ngày 31-12-2023, tổng cộng gốc và lãi là 390.000.000 đồng.

[3] Căn cứ vào chứng cứ do bà T cung cấp giấy biên nhận ngày 15-8-2019 có nội dung "*Trần Thị Tuyết M có mượn của Phạm Ngọc T số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 15-8-19 dl*"; ký tên và viết họ tên Trần Thị Tuyết M; Kết luận giám định số 1596/KL-KTHS ngày 13-9-2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên "Trần Thị Tuyết M" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết đứng tên "Trần Thị Tuyết M" trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M01, M02) là do cùng một người ký và viết ra. Lời khai của bà T, anh D người đại diện theo ủy quyền của bà T; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, xác định bà M có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 24-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (04-11-2024) là đúng quy định của pháp luật. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: Số tiền vay 200.000.000 đồng x lãi suất 0,83%/tháng x 09 tháng 11 ngày = 15.548.663 đồng. Buộc bà M trả cho bà T số tiền 215.548.663 đồng mà không buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Số tiền vốn và lãi suất bà T yêu cầu bà M trả là 390.000.000 đồng, số tiền được chấp nhận là 215.548.663 đồng, số tiền không được chấp nhận là (390.000.000 đồng - 215.548.663 đồng) 174.451.337 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận, cụ thể: Số tiền án phí sơ thẩm dân sự bà M phải chịu 5%/215.548.663 đồng là 10.777.000 đồng; bà T phải chịu 5%/174.451.337 đồng là 8.722.500 đồng; đồng thời bà T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ông C cùng liên đới cùng bà M trả nợ không được chấp nhận. Tổng cộng bà T phải chịu án phí 9.022.500 đồng nhưng Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà T chịu 5.300.000 đồng là không đúng, Viện kiểm sát kháng nghị về án phí là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh sửa Bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2024/DS-ST, ngày 04-11-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc T đối với bà Trần Thị Tuyết M và ông Trương Văn C. Buộc bà Trần Thị Tuyết M trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền là 215.548.663 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông Trương Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Thị Tuyết M trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền là 215.548.663 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông Trương Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Thị Tuyết M trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền là 174.451.337 đồng (trong đó tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 74.451.337 đồng).

2. Án phí.

2.1 Án phí sơ thẩm dân sự:

- Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu 10.777.000 đồng.

- Bà Phạm Ngọc T phải chịu 9.022.500 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0002327 ngày 24-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, hoàn lại cho bà T số tiền 727.500 đồng.

2.2 Án phí phúc thẩm dân sự: Các đương sự không phải chịu.

3. Chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu tiền chi phí giám định 5.820.000 đồng; số tiền này do bà T nộp nên bà M có trách nhiệm trả lại cho bà T.

4. Kể từ ngày bà Phạm Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Tuyết M chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TP Tây Ninh;
- CCTHADS TP Tây Ninh ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Hữu Chiến